

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2021

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 2 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021; Thông báo thay đổi lịch mở phiên tòa số 12/2021/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Tú O, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Đài Loan.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị O có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Đinh Thị Tú O trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B đi lao động tại Đài Loan, ít khi về nước; không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị O. Thời gian đầu anh B có điện thoại về hỏi thăm vợ con. Tuy nhiên, sau đó anh B không còn liên lạc. Chị O xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị O và anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 08/8/2005; cháu Nguyễn Thành C sinh ngày 23/6/2009 (đang ở cùng ông bà nội tại Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương); cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 10/8/2012 hiện đang do chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị O đề nghị Tòa án giao cháu Nam và cháu Công cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Lan Anh giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cho các cháu và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị O không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H là bố đẻ của anh Nguyễn Văn B. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2021 và 06/4/2021, ông Hùng trình bày: Chị O và anh B được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh B đang lao động tại Đài Loan. Anh B đã được ông thông báo đầy đủ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án gửi và quan điểm của anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị O, đồng ý chịu trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hải N và cháu Nguyễn Thành C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Thị Lan A cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Ông đồng ý thay mặt anh B chăm sóc cháu Nam và cháu Công trong thời gian anh B ở nước ngoài. Do anh B không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và bản thân ông cũng không nắm được nên ông Hùng không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 8630/QLXNC-P5 ngày 13/4/2021 thể hiện: Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 08/7/1979; CMTND số 142007183; khai địa chỉ tại: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; có thông tin xuất cảnh ngày 21/3/2017 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C2927292, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (chị O có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị O và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị O được ly hôn anh B; về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hải N và cháu Nguyễn Thành C; giao cho chị Đinh Thị Tú O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Lan A; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về án phí, chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị Tú O có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B, là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa chị O vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh B được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi anh B đi lao động tại Đài Loan, ít khi về nước; không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị O. Thời gian đầu anh B có điện thoại về hỏi thăm gia đình. Tuy nhiên, sau đó anh B không còn liên lạc, không ai còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị O, anh B cũng được đại diện gia đình anh B và chính quyền địa phương xác nhận. HĐXX xét thấy hôn nhân của chị O và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị O ly hôn với anh B là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị O và anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 08/8/2005; cháu Nguyễn Thành C sinh ngày 23/6/2009 và cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 10/8/2012. Hiện nay, cháu Nguyễn Hải N và cháu Nguyễn Thành C đang ở cùng ông bà nội tại Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; còn cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 10/8/2012 đang được chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng giao cháu Nam và cháu Công cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Lan Anh giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Bản thân cháu Nam và cháu Công có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Ông Hùng là bố đẻ anh B xác định trong thời gian anh B ở nước ngoài, ông Hùng sẽ thay anh B trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Còn cháu Lan Anh có nguyện vọng được ở với mẹ để đảm bảo sự ổn định trong đời sống, cũng như học tập. Xét thấy, việc giao cháu Nam và cháu Công cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lan Anh cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nhiều năm nay; phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Căn cứ **các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Nam và cháu Công cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lan Anh cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng.** Trong thời gian anh B ở nước ngoài, ông Hùng sẽ thay anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và cháu Công. Do chị O, anh B tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này chị O, anh B có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị O và anh B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Tú O. Xử cho chị Đinh Thị Tú O ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 08/8/2005; cháu Nguyễn Thành C sinh ngày 23/6/2009 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm giao cháu Nguyễn Hải N và cháu Nguyễn Thành C cho ông Nguyễn Văn H (bố đẻ của anh B) nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh B ở nước ngoài.

Giao cho chị Đinh Thị Tú O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 10/8/2012 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị O tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Chị O, anh B có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị Tú O có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Tú O phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình). Đồi trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0005731 ngày 01/2/2021. Chị O đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn